

Bản án số: 75/2022/HS-PT.
Ngày: 30/8/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga-Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Hiệp Văn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L (điểm cầu thành phần) xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 62/2022/TLPT-HS ngày 23/6/2022 đối với bị cáo Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn N; Sinh năm: 1996; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã LK, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H và bà Phan Thị N; Có vợ là bà Lâm Thị Thu T, sinh năm 2001; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2022 cho đến nay; (có mặt tại điểm cầu thành phần)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người đại diện hợp pháp của bị hại Lâm Lê Hữu D; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ vận tải Đ; Người làm chứng Phạm Chi D và Đào Hoàng K (tên gọi khác: LĐ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 23 giờ 55 phút ngày 21/5/2021, Công an thị trấn L nhận được tin báo qua điện thoại về việc tai nạn giao thông vừa xảy ra trước đó khoảng 05 phút trên tuyến Tỉnh lộ 933 thuộc địa phận ấp D, thị trấn L, huyện L do xe mô tô va chạm với xe ô tô tải đang đậu cùng chiều.

Qua quá trình điều tra đã xác định được như sau: Lê Văn N là người có giấy phép lái xe hạng C. Sáng ngày 21/5/2021, Lê Văn N điều khiển ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 đi thu mua phế liệu. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày Lê Văn N đã điều khiển xe trở về đỗ khu vực trước nhà tại ấp D, thị trấn L nơi đang tạm trú để mang phế liệu mua được trên xe xuống. Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 được N đỗ (đậu) bên phần đường bên phải hướng từ Sóc Trăng đi L của Tỉnh lộ 933. Đến khoảng 13 giờ, N định điều khiển xe đi mua phế liệu tiếp tục nhưng xe không khởi động được nên đã thuê Đào Hoàng K sửa chữa bình ắc quy và hệ thống điện của xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27. Đến 17 giờ cùng ngày, K đã sửa xong và xe đã hoạt động trở lại bình thường. Tuy nhiên, N vẫn đỗ xe tại vị trí như cũ ở phía trước nhà trên tuyến đường Tỉnh lộ 933 chiếm một phần đường xe chạy và không có bật tín hiệu, không có đặt biển báo nguy hiểm theo quy định để cho người điều khiển phương tiện khác biết mà chỉ mang 01 bao nylon màu xanh có kích thước 82cm x 46cm bên trong có chứa ba thùng nhựa màu trắng cùng với 17 lon giấy có dán bao bì màu xanh đặt trên mặt đường phía sau xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 để cảnh báo cho người khác biết. Sau đó, N đã rời khỏi xe đi thực hiện công việc riêng.

Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, Lâm Lê Hữu D sau khi đã sử dụng rượu bia (nồng độ cồn trong máu đo được là 187miligam/100mililit máu) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83C1-373.57 về nhà tại ấp 2, thị trấn L khi đến đoạn đường Tỉnh lộ 933 thuộc khu vực ấp D, thị trấn L đã va chạm vào phía sau bên trái của xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 do Lê Văn N đã đỗ trước đó. Hậu quả tại nạn là Lâm Lê Hữu D đã tử vong trên đường đưa đi cấp cứu. Cơ quan Công an đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và khám nghiệm phương tiện.

- Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 đậu bên phần lộ phía bên phải hướng thành phố Sóc Trăng đi thị trấn L, đầu xe quay về hướng Đông (hướng thị trấn L) đuôi xe quay về hướng tây (hướng thành phố S). Từ trục sau của xe phía bên trái đo vào lề phải có số đo 2,73m, đo ra vạch kẻ đường có số đo 1,07m.

- Tại vị trí thanh sắt bảo vệ thùng xe ô tô phía sau bên trái phát hiện một vết dịch màu nâu đỏ có số đo 4cm x 4,5cm. Từ vết dịch đo ra mép vết thùng xe ô tô phải bên trái có số đo 0,25cm.

- Kết luận giám định pháp y tử thi số 115/PY.PC09 ngày 31/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận về nguyên nhân tử vong của Lâm Lê Hữu D như sau: Trên cơ thể nạn nhân có nhiều vết thương; Bầm tụ máu cơ hoành bên phải; Phổi phải xẹp, có dấu hiệu tràn khí màng phổi. Thùy dưới phổi phải bị dập; Phổi trái căng vừa, có dấu hiệu tràn khí màng phổi; Trong bao gan chứa đầy chất dịch màu đỏ nâu. Vùng rốn gan bị dập; Mạc treo ruột bị bầm tụ máu rải rác; Dạ dày bị dập, vỡ, bờ mép vết nhăm nhở. Từ vết vỡ trào ra nhiều thức ăn đang trong giai đoạn chuyển hóa. Nguyên nhân chết: Mất máu cấp.

- Tại Phiếu kết quả sinh hóa ngày 31/5/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng xác định: Nồng độ cồn trong máu của Lâm Lê Hữu D là 187miligam/100mililit máu.

- Tại Kết luận giám định tài sản số 15/KL.HĐĐGTS ngày 18/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện L kết luận: Các bộ phận thiệt hại của xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 trị giá 1.270.000 đồng; Các bộ phận thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 83C1-373.57 trị giá 1.995.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 01/6/2022, bị cáo Lê Văn N kháng cáo xin hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N tiếp tục bồi

thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng và được đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Xét bị cáo N bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo N được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn N lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 01/6/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn N theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn N như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N khai nhận vào lúc khoảng 12 giờ ngày 21/5/2021, Lê Văn N đã điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-569.27 đỗ khu vực trước nhà tại ấp D, thị trấn L, xe được đỗ bên phần đường bên phải hướng từ Sóc Trăng đi L của Tỉnh lộ 933. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N định điều khiển xe đi mua phế liệu tiếp tục nhưng xe không khởi động được nên đã thuê Đào Hoàng K sửa chữa đến 17 giờ cùng ngày thì K đã sửa xong và xe đã hoạt động trở lại bình thường. Tuy nhiên, N vẫn đỗ xe tại vị trí như cũ ở phía trước nhà trên tuyến đường Tỉnh lộ 933 chiếm một phần đường xe chạy và không có bật tín hiệu, không có đặt biển báo nguy hiểm theo quy định để cho người điều khiển phương tiện khác biết mà chỉ mang 01 bao nylon màu xanh có kích thước 82cm x 46cm bên trong có chứa ba thùng nhựa màu trắng cùng với 17 lon giấy có dán bao bì màu xanh đặt trên mặt đường phía sau xe ô tô tải để cảnh báo cho người khác biết. Sau đó, N đã rời khỏi xe đi thực hiện công việc riêng. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, Lâm Lê Hữu D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83C1-373.57 về nhà tại ấp 2, thị trấn L khi đến đoạn đường Tỉnh lộ 933 thuộc khu vực ấp D, thị trấn L đã va chạm vào phía sau

bên trái của xe ô tô biển kiểm soát 51C-569.27 do Lê Văn N đã đỗ trước đó, hậu quả D bị đa chấn thương và chết do mất máu cấp. Xét lời khai nhận của bị cáo N tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Xét bị cáo Lê Văn N đã có hành vi đỗ xe ô tô tải chiếm một phần đường xe chạy trên tuyến Tỉnh lộ 933 nhưng bị cáo N không thực hiện đặt biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe ô tô tải để người điều khiển phương tiện khác biết theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Hành vi của bị cáo N đã gây mất an toàn giao thông đường bộ, dẫn đến xảy ra tai nạn giao thông và làm bị hại D bị đa chấn thương dẫn đến chết do mất máu cấp. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Lê Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn N: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt và bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo N mức án 01 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Xét bị cáo Lê Văn N bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N đã tiếp tục bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận xong phương thức bồi thường thanh toán số tiền còn lại phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm và được người đại diện hợp pháp của bị hại xác nhận, điều này thể hiện bị cáo N thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bên cạnh đó, tại Đơn yêu cầu lập ngày 13/6/2022, người đại diện hợp pháp của bị hại cũng đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Mặt khác, trong vụ án này bị hại cũng có phần lỗi khi xảy ra tai nạn giao thông là có nồng độ cồn trong máu vượt quá quy định khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bị cáo N có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt bị cáo N chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo N hưởng

án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo N; căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo N của bản án sơ thẩm, cho bị cáo N hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo N là 02 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Đồng thời, trong thời gian thử thách nếu bị cáo N có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, về việc xin hưởng án treo.

Sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn N của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn N.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và 02 (Hai) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 30/8/2022.

Giao bị cáo Lê Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện L (02);
- VKSND huyện L (01);
- CQĐT-Công an huyện L (01);
- CQTHAHS-Công an huyện L (01);
- Chi cục THADS huyện L (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ